TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 286/2026/QĐST-HNGĐ	*Lâm Đồng, ngày 16 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 411/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 06 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn*: bà Ma R, sinh năm: 2000; địa chỉ: thôn M, xã T, tỉnh Lâm Đồng;

- *Bị đơn:* ông Ya N, sinh năm: 1995; địa chỉ: thôn M, xã T, tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2026;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Ma R và ông Ya N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: công nhận sự thỏa thuận về việc thuận tình ly hôn giữa bà Ma R và ông Ya N.

2.2. Về con chung: hai bên thỏa thuận giao cho bà Ma R trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Nai T, sinh ngày: 04/12/2018; Nai Tuệ M, sinh ngày: 19/12/2020 cho đến ngày con chung thành niên, không yêu cầu ông Ya N cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Ma R và ông Ya N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: bà Ma R nhận chịu 150.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0011082 ngày 12/6/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Lâm Đồng. Hoàn trả cho bà Ma R tạm ứng án phí còn thừa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 76 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2 – Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- UBND xã Đa Quyn, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng (nay là xã Tà Năng, tỉnh Lâm Đồng đăng ký kết hôn số 07/2019 ngày 28/01/2019);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thanh Vũ